

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2024  
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con  
chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Anh Việt;
2. Bà Nguyễn Thùy Trang;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2024/TLST- HNGĐ, ngày 25/6/2024 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST – HN ngày 14/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1986 (vắng mặt);  
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1987 (vắng mặt);  
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Lê Thị Vân A trình bày:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Vân A và anh N quen biết tìm hiểu nhau vào năm 2008 mặc dù không được gia đình chấp nhận nhưng anh chị vẫn chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2008 tại UBND xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc trong gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân từ tết năm 2021 cho đến nay.

Hiện nay chị Vân A không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

- Về con chung: chị Vân A và anh N chung sống có 02 con chung tên Lê Thành K sinh ngày 18/03/2009 và Lê Thành Phát sinh ngày 03/03/2015. Khi ly hôn, chị Vân A yêu cầu được nuôi 02 con chung, chị Vân A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con đang sống với chị A.

- Về tài sản chung: chị Vân A trình vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Vân A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xử lý đơn.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Vân A được ly hôn với anh Lê Văn N. Về con chung: giao cháu Lê Thành K sinh ngày 18/03/2009 và cháu Lê Thành Phát S ngày 03/03/2015 cho chị Vân A nuôi dưỡng sau khi ly hôn, đương sự không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: chị Vân A trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

Chị Lê Thị Vân A yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N cư trú tại xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh N vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Vân A và anh Lê Văn N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm nhau dẫn đến mất tình cảm gia đình. Vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị Vân A không còn tình cảm với anh N vì vậy chị xin ly hôn với anh Lê Văn N.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Trong thời gian chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Thời gian sống ly thân cho đến nay cũng đã lâu nhưng vợ chồng không thể nào đoàn tụ chung sống lại được điều đó chứng tỏ rằng giữa chị Vân A và anh N đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị A yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Vân A được ly hôn với anh Lê Văn N.

[2.2] Về con chung: chị Vân A và anh N chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Thành K sinh ngày 18/03/2009 và Lê Thành Phát sinh ngày 03/03/2015. Chị Vân A yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị Vân A và anh N sống ly thân thì các con do chị Vân A chăm sóc nuôi dưỡng. Cuộc sống của các cháu đã ổn định, chị A chăm sóc các cháu tốt và vẫn đảm bảo việc học của các cháu. Nguyên vọng của các cháu cũng muốn được sống cùng với chị Vân A. Anh

N cũng không có văn bản ý về việc yêu cầu nuôi con chung của chị A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các cháu nên giao các cháu Lê Thành K và Lê Thành P cho chị Vân A nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị Vân A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị Vân A trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh N không có văn bản ý kiến về tài sản chung do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn nếu có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: chị Vân A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Lê Thị Vân A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Vân A.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Vân A được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. *Về con chung:* giao cháu Lê Thành K sinh ngày 18/03/2009 và Lê Thành Phát sinh ngày 03/03/2015 cho chị Lê Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị Lê Thị Vân A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (các con đang sống với chị A).

Anh Lê Văn N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Chị Vân A trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị Vân A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Lê Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A đã nộp ngày 25/6/2024 theo biên lai số 0013357 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị Vân A phải nộp.

6. Nguyên đơn chị Lê Thị Vân A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã An Khánh số 36 ngày 10/03/2008;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**